

PHẠM THỊ HÀ XUYỀN*

TÍN NGƯỠNG THỜ CÁ VOI Ở VÙNG BIỂN SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY¹

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ cá Voi giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng ngư dân vùng biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, qua nhiều giai đoạn lịch sử. Bài viết tập trung khảo sát quá trình thực hành tín ngưỡng này, đồng thời, phân tích hiện trạng không gian thờ tự và hệ thống thiết chế liên quan. Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn, bài viết chỉ ra một số thách thức nổi bật như sự thiếu hụt lớp kế cận, hạn chế về nguồn nhân lực và kinh phí quản lý, cùng tình trạng xuống cấp của cơ sở thờ tự. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường sự gắn kết cộng đồng, phát huy vai trò chủ thể văn hóa của người dân địa phương, chú trọng công tác trao truyền giá trị tín ngưỡng và nâng cao năng lực quản lý văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Từ khóa: Tín ngưỡng, thờ cá Voi, cư dân ven biển, Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Ngày nhận bài: 21/10/2025; ngày phản biện: 29/10/2025; ngày duyệt đăng: 11/11/2025.

Mở đầu

Tín ngưỡng thờ cá Voi/cá Ông là một hình thức tín ngưỡng dân gian đặc trưng của cư dân vùng ven biển miền Trung và Nam Bộ Việt Nam, gắn liền sinh kế ngư nghiệp, niềm tin vào sự che chở của biển cả, phản ánh sự thích ứng với môi trường tự nhiên và giao thoa văn hóa vùng. Tuy có nét chung, nhưng mỗi địa phương lại thể hiện khác biệt về nghi lễ, thiết chế và mức độ bảo lưu truyền thống. Với ngư dân ven biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tín ngưỡng thờ cá Voi mặc dù đã có từ lâu, song hiện nay đang có nguy cơ mai một do chuyển đổi nghề, phát triển du lịch, thiếu thế hệ kế cận, hạn chế năng lực quản lý. Đặc biệt, di tích thờ tự đang xuống cấp, nhưng chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, bài viết tập trung phân tích đặc trưng, hiện trạng thực hành tín ngưỡng thờ cá Voi ở Sầm Sơn và đề xuất một số giải pháp bảo tồn giá trị và không gian thờ tự cá Voi trong bối cảnh hiện nay.

Thờ cá Voi ở các địa phương được gọi bằng nhiều tên như thờ cá Ông, thờ Ngư Ông, thờ Đức Ông, thờ Ông Nam Hải, tức là Nam Hải Đại tướng Quân,... Trong khuôn khổ bài viết, tác giả sử dụng tên gọi “thờ cá Voi” để đảm bảo tính địa phương và thống nhất trong nội dung nghiên cứu. Tư liệu cho bài viết được tổng hợp qua khảo sát thực địa vào tháng 6/2025 tại phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, kết hợp tham khảo số liệu thu thập tại điểm nghiên cứu và các công trình đã công bố liên quan đến tín ngưỡng này. Khi khảo sát thực địa, các công cụ được sử dụng để thu thập thông tin từ người dân và cán bộ địa phương là phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát tham dự, điều tra phiếu hỏi 187 người với sự đa dạng độ tuổi, nghề nghiệp.

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: phamhaxuyen90@gmail.com.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “Tín ngưỡng thờ thần biển của cư dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa” do ThS. Phạm Thị Hà Xuyên làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

Qua đó, có thể phân tích, so sánh với một số tín ngưỡng khác để ghi nhận về thực trạng đời sống tín ngưỡng và sinh kế hiện nay của cộng đồng ngư dân tại điểm nghiên cứu.

Đến nay, đã có một số nghiên cứu về tục thờ cá Voi. Trước năm 1945, các nghiên cứu về chủ đề này tuy còn khái quát, song đều ghi nhận đây là một tín ngưỡng tiêu biểu của ngư dân Trung Bộ và Nam Bộ (Nguyễn Thanh Lợi, 2022: 3). Đặc biệt, tác giả Cung Giũ Nguyên xem việc thờ cá Voi là hủ tục, trong khi tác giả Thái Văn Kiểm coi đó là phong tục đặc trưng của cư dân miền biển (dẫn theo Phạm Thị Hà Xuyên, 2023: 6-9). Một nghiên cứu khác đã ghi nhận 25 loài cá voi, cá heo tại vùng biển Việt Nam, với các lăng thờ cá Voi là những địa điểm nghiên cứu quan trọng (Phạm Thược, 2007: 44). Về gốc tích tục thờ cá Voi, có học giả cho rằng đó là kết quả ảnh hưởng qua nhiều thế kỷ từ văn hóa Chăm (Gordienko, 2021: 157). Còn với Lantz, tục thờ này có mối liên hệ với văn hóa Chăm và văn hóa Khơ-me (Khmer) như một dạng tín ngưỡng vật linh (animism) mang dấu ấn Ấn Độ giáo, nhất là Shiva giáo, đồng thời diễn giải thần cá Voi như sự tái nghĩa của thần voi Ganesha, tức thần hình người đầu voi trong Ấn Độ giáo (Lantz, 2009: 54, 57). Các học giả khác cho rằng, tục thờ này ở Việt Nam có thể xuất phát từ tín ngưỡng thờ Bồ Tát của cư dân ven biển Trung Quốc và dấu ấn văn hóa miền Nam Ấn Độ hợp nhất với tục thờ cá Voi của Việt Nam ở thời kỳ Champa (Le Thi Ngoc Cam, Song Hwa Seob, 2019: 301). Tín ngưỡng thờ cá Voi gắn với các đình, lăng, đền thờ lưu giữ bộ xương cá này, dọc bờ biển Trung và Nam Bộ, mỗi vạn chài đều có nơi thờ cá Voi với tập tục thờ cúng cụ thể, vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh vừa giáo dục tín đồ về lòng biết ơn (Nguyễn Duy Đoài, 2018: 43; Nguyễn Thanh Lợi, 2022: 6, 11).

Ảnh hưởng của tục thờ cá Voi tới khu vực Thanh Hóa - Nghệ An khá muộn, chủ yếu do tác động của quá trình giao lưu văn hóa Nam - Bắc vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX (Nguyễn Thanh Lợi, 2022: 19), đồng thời, còn chịu ảnh hưởng từ văn hóa Chăm, nhưng hình thành muộn hơn, thông qua quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa biển giữa các vùng trong thời kỳ phát triển các thương cảng và nghề đánh bắt ở Việt Nam (Phạm Thị Hà Xuyên, 2023: 44). Tại thành phố Sầm Sơn, J.I. Claeys (1941) cho biết: “Dân đánh cá ở Lương Niệm² có tục thờ cá Voi, miếu thờ nằm ở làng Lương Trung” (nay thuộc phường Quảng Cư) (dẫn theo Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố Sầm Sơn, 2022: 586-587). Song, lễ hội đền Ngư Ông hiện chỉ còn trong trí nhớ của các lão ngư (Hoàng Bá Tường, 2017: 246-258). Đền Ngư Ông xây dựng từ năm 1990, được công nhận di tích lịch sử năm 2003, nhưng đến nay vẫn chưa trùng tu, mở rộng; nghi lễ chưa được phục dựng hoàn thiện (Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa, 2003: 5). Các nghiên cứu trên chủ yếu tìm hiểu vấn đề lịch sử, nguồn gốc và tính phổ biến của tục thờ cá Voi ở miền Trung và Nam Bộ nước ta, trong khi đó việc khảo cứu về sự tồn tại, phát triển, biến đổi của tục này trong đời sống ngư dân đương đại vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng. Nghiên cứu tín ngưỡng thờ cá Voi ở thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa - một vùng biển có truyền thống đánh bắt cá lâu đời trong bối cảnh địa phương chịu nhiều tác động của đô thị hóa, phát triển du lịch, chuyển đổi sinh kế vẫn còn là khoảng trống.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Trước ngày 01/7/2025, thành phố Sầm Sơn nằm ở phía đông tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm thành phố Thanh Hóa khoảng 16km về phía tây; phía bắc giáp huyện Hoằng Hóa,

² Xã Lương Niệm là tên hành chính cũ của Sầm Sơn sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

phía tây giáp thành phố Thanh Hóa, phía nam giáp huyện Quảng Xương, phía đông giáp vịnh Bắc Bộ. Thành phố Sầm Sơn có 11 đơn vị hành chính gồm 8 phường và 3 xã, với tổng diện tích tự nhiên là 44.94km², dân số khoảng 105.902 người, chủ yếu người Kinh (Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố Sầm Sơn, 2022: 11, 12, 25). Hiện nay, từ khi sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, thành phố Sầm Sơn cũ chuyển thành hai phường là Sầm Sơn và Nam Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa. Do thời gian nghiên cứu thực địa và xử lý số liệu trước thời điểm nêu trên nên bài viết vẫn sử dụng địa danh thành phố Sầm Sơn trong bài viết này.

Thành phố Sầm Sơn có vùng biển nhưng là vùng biển nông, đáy biển bằng phẳng, chiều dài bờ biển khoảng 15km, có nhiều hệ thống sông đổ vào biển như sông Mã đổ ra cửa Lạch Trường, sông Tào đổ ra cửa Hới hay sông Đơ chảy dọc thành phố. Trước kia, người dân chủ yếu đi lại bằng đường thủy trên sông, nhờ vậy, thuyền bè từ cửa Hới ngược dòng sông Mã tỏa đi miền ngược, miền xuôi trong và ngoài tỉnh. Có thể thấy, thành phố Sầm Sơn là vùng đất có núi, rừng, sông và biển, không chỉ tạo nên sự phong phú về cảnh quan tự nhiên, mà còn đa dạng về tài nguyên thiên nhiên. Từ thời Pháp thuộc, năm 1906, người Pháp đã cho rải đá đường đi đến bãi biển Sầm Sơn, đồng thời cho xây dựng các công trình biệt thự để phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng của họ và quan lại triều Nguyễn. Theo Robequain, bãi biển Sầm Sơn có người tới nghỉ mát đông nhất trên bờ biển Đông Dương (Charles Robequain, 2012: 556, 650). Bên cạnh đó, vùng biển Sầm Sơn có trữ lượng hải sản lớn, thuận lợi cho hoạt động đánh bắt hải sản. Hiện nay, thành phố còn 844 tàu đánh bắt gần bờ với công suất 10-20 CV và 148 tàu đánh bắt xa bờ, hoạt động khai thác thủy sản đạt 25.210 tấn (UBND thành phố Sầm Sơn, 2024: 1,2).

Về sinh kế, cư dân thành phố Sầm Sơn từ lâu vẫn trồng lúa nước, nhưng gần đây đã giảm đi do đô thị hóa, một bộ phận nông dân bán đất cho các khu quy hoạch du lịch để chuyển sang nghề khác. Bên cạnh đó, hoạt động đánh bắt hải sản và các nghề dịch vụ cũng dần phát triển. Cư dân vùng biển Sầm Sơn còn có đời sống tín ngưỡng phong phú với 35 di tích tâm linh. Trong đó, có các di tích gắn liền với văn hóa tinh thần của cư dân biển như đền thờ Bà Triều³, đền thần Độc Cước, đền Thanh Khê thờ Tứ Vị thánh Nương, đền thờ Đông Hải Đại vương Nguyễn Phúc, đền thờ cá Voi. Đền thờ cá Voi được đặt tên là đền Ngư Ông tại địa phận hai làng Quang Vinh và Thành Thắng, phường Quảng Cư - nay là phường Sầm Sơn. Đây là những làng chuyên nghề đánh cá, nằm ở nơi con sông Mã đổ ra Biển Đông tại cửa biển Lạch Trường và cửa biển Lạch Hới. Đền Ngư Ông hiện được xếp hạng là di tích lịch sử, có thể di chuyển đến đền bằng đường thủy và đường bộ (Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa, 2021: 1-3).

2. Tín ngưỡng thờ cá Voi ở vùng biển Sầm Sơn

2.1. Truyền thuyết dân gian và niềm tin cộng đồng

Dân gian lưu truyền rằng, cách đây hơn 200 năm, trong một lần bão gió nổi lên giữa biển khơi, sóng lớn đánh tan bè mảng, ngư dân bị biển cuốn trôi trong làn nước xiết. Thật may cho lão

³ Bà Triều là nhân vật huyền thoại có sức mạnh siêu phàm, tương truyền có công dạy cho cư dân vùng biển Sầm Sơn biết làm nghề dệt xấp xức (lưới xức cá).

ngư bến Ghênh⁴, trong lúc ông đang cố sức bám vào một mảng bè, tuyệt vọng và phó mặc cho số phận, thì bỗng xuất hiện một con cá Voi lớn tựa vào mảng và đưa ngư ông đến bến Ghênh, nhưng không may bị mắc cạn. Dân trong làng hô hào nhau mang dây thừng, lưới và cả trâu kéo ông xuống biển nhưng không kịp nên ông đã “hóa” ở đó. Để tỏ lòng biết ơn cá Voi đã cứu mạng, ngư dân đã mai táng bằng việc đắp 100 tấm chiếu lên xác ngài, sau đó cải táng và lập đền thờ, coi “ngài” như biểu tượng linh thiêng của cư dân ven biển (Hoàng Bá Tường, 2016: 248). Đây là câu chuyện đậm sắc huyền thoại, phản ánh cách cư dân nơi đây lý giải những hiện tượng tự nhiên khắc nghiệt bằng niềm tin vào sự che chở của lực lượng siêu nhiên nơi biển cả. Đây là chất liệu có tính địa phương, nhằm lý giải và ngầm khẳng định vùng biển Sầm Sơn - một vùng biển “thiêng”. Truyền thuyết này không chỉ mang ký ức tập thể về một biển cổ thiên nhiên, mà còn là cách cộng đồng kiến tạo nên mối quan hệ thiêng liêng giữa con người và biển, thể hiện quan niệm “biển cũng có thần linh cai quản”. Đây còn là thế giới quan cho việc hình thành tín ngưỡng thờ cá Voi ở ven biển tỉnh Thanh Hóa. Hoàng Bá Tường (2016: 249) còn cho biết: “Hiện đền có sắc phong của triều đình ban cho Ngư Ông, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710)”. Tín ngưỡng thờ cá Voi ở thành phố Sầm Sơn có thể xuất hiện từ thời Lê - Trịnh, trước cả triều Nguyễn - triều đại được cho là đã chính thống hóa, đưa cá Voi vào hệ thống bách thần quốc gia (Nguyễn Xuân Hương, 2009: 46). Có thể thấy, tín ngưỡng thờ cá Voi xuất hiện ít nhất hơn 200 trước, đây là một cứ liệu quan trọng để xác nhận thờ cá Voi ở thành phố Sầm Sơn có tính chính danh, được chính quyền phong kiến cho phép thực hiện.

Tuy chưa tìm thấy tài liệu ghi chép hay ký ức cộng đồng rõ ràng về thời điểm cá Voi đầu tiên trôi dạt vào vùng biển Sầm Sơn, nhưng người dân vẫn lưu truyền rằng Lạch Trường, cửa biển chính nơi thuyền bè qua lại - nơi sông Mã đổ ra biển là không gian linh thiêng gắn bó với tín ngưỡng thờ cá Voi của ngư dân nhiều thế hệ. Đây được xem như cửa ngõ tâm linh, nơi mọi con thuyền đều phải đi qua khi ra vào vùng biển hai xã Quảng Cư (thành phố Sầm Sơn), Hoằng Phú (huyện Hoằng Hóa) và các khu vực phụ cận. Nơi đây những năm đầu thế kỷ XIX cũng từng có đến 200 thuyền đánh cá Trung Hoa đi qua để vào đánh cá ngoài khơi Biện Sơn (Charles Robequain, 2012: 435). Tầm quan trọng của tín ngưỡng thờ cá Voi của cư dân nơi đây thể hiện rõ ở sự bền bỉ duy trì nghi lễ và nỗ lực phục dựng di tích sau một số lần gián đoạn. Theo cư dân địa phương, những năm 1970 - 1990, nhiều di tích tâm linh bị phá hủy, việc thờ cúng bị gián đoạn, song ngư dân khi đi đánh bắt vẫn làm lễ cúng một cách “bí mật” bằng cách đem thả vàng hương tại cửa biển Lạch Trường và khấn xin, hoặc đem một chai rượu, vàng hương đến cúng ở vị trí đền cũ. Từ sau Đổi mới (1986), khi mọi tín ngưỡng địa phương phục hồi, việc phục dựng các di tích tâm linh ở thành phố Sầm Sơn được cư dân chủ động thực hiện, đền thờ cá Voi được xây dựng lại và trở thành địa điểm tâm linh quan trọng của cộng đồng, ngư dân các phường Quảng Cư, Trường Sơn và Quảng Tiến cùng đến chiêm bái.

Tín ngưỡng thờ cá Voi ở thành phố Sầm Sơn không chỉ mang tính đặc trưng phổ biến của vùng ven biển, mà còn thể hiện tính địa phương rõ nét. Khi được hỏi về việc nhận biết các tín ngưỡng thờ thần biển ở địa phương, có 39,3% số người được hỏi cho biết đã từng nghe và

⁴ Ghênh là từ cổ tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở. Địa danh bến Ghênh là tên gọi của bến neo đậu tàu thuyền phường Quảng Cư xưa.

tham gia lễ tế cá Voi; 92% trả lời đồng ý tín ngưỡng thờ cá Voi giúp bảo vệ ngư dân khi đi biển; 76,6% cho rằng tín ngưỡng này giúp mang lại mùa màng, tôm cá bội thu. Rõ ràng, tín ngưỡng thờ cá Voi giữ vị thế đặc biệt trong đời sống tinh thần của cư dân thành phố Sầm Sơn - nơi có sự đa dạng của nhiều hệ thờ, như thờ nhiên thần có Thần Độc Cước và Bà Triều, thờ nhân thần/nữ thần có Tứ vị thánh nương, thờ nhân thần/anh hùng lịch sử gồm Nguyễn Phục và Tô Hiến Thành, song thờ cá Voi vẫn có ý nghĩa đối với cư dân nơi đây, nhất là ngư dân. Bên cạnh đó, còn một điểm khác biệt nữa là ở thành phố Sầm Sơn, cốt cá Voi được chôn rồi xây mộ kín dưới dạng “thượng sàng hạ mộ”, tức là “trên đền, dưới mộ”, ngoại trừ những cốt mới đưa vào sau năm 1990, chứ không hoàn toàn được trưng bày như đền Ngư Ông ở những nơi khác của tỉnh Thanh Hóa (xã Ngư Lộc, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc), ở Quảng Ngãi (huyện đảo Lý Sơn), Thành phố Hồ Chí Minh (đình Lý Nhơn, Quận 4; huyện Cần Giờ), Bà Rịa - Vũng Tàu (làng Phước Hải, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ), Vĩnh Long (xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang), Cà Mau (xã Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời). Đây là một biến thể mang tính địa phương trong cách thức thờ phụng cá Voi ở Sầm Sơn.

2.2. Các nghi lễ thờ cúng cá Voi

Qua tìm hiểu, các nghi lễ thờ cúng cá Voi ở thành phố Sầm Sơn diễn ra theo trình tự như sau:

Nghi lễ mai táng khi cá Voi lụy: khoảng năm 1983, khi cá Voi lụy, người dân đã an táng tại chính nơi ngãi đặt vào bằng cách lấy một trăm tấm chiếu phủ lên thân cá và để tang ba năm.

Nghi lễ cải táng và lập đền thờ: Sau ba năm, cư dân làm lễ cải táng, thu nhặt cốt cá Voi để chôn cất lại, góp tiền xây mộ tại vị trí đền cũ. Năm 1990, được chính quyền địa phương đồng ý, cư dân xây một ngôi đền nhỏ để thờ phụng cá Voi. Ngoài phần mộ xây kiên cố, cốt cá Voi mới tiếp tục được đưa vào, đặt trong tủ kính và xây thêm một gian nhỏ cạnh đền để thờ cúng. Qua đó thấy rõ quan niệm “nhân hóa thần linh” của cư dân ven biển, khi cá Voi được xem như một sinh thể có linh hồn, một “người” trong thế giới siêu nhiên. Vì thế, việc chôn cất, cải táng cá Voi là nghi lễ cộng đồng, nơi các thành viên cùng tham gia, nhằm củng cố sự cố kết và tái khẳng định đặc trưng văn hóa vùng ven biển. Tuy chỉ một ngôi đền nhỏ, đơn giản nhưng đã trở thành địa điểm để cư dân thành phố Sầm Sơn duy trì đều đặn các nghi lễ tâm linh, thể hiện sự nỗ lực của cư dân trong việc củng cố và bảo tồn tín ngưỡng địa phương.

Các nghi lễ thường niên: là những nghi lễ mà cá nhân tự thực hiện và do cộng đồng cùng tham gia thực hiện:

(1) Nghi lễ cá nhân: Để có một chuyến đi biển thuận lợi, bình an và bội thu, trước khi ra khơi, thuyền bè thường cập vào nơi có đền thờ cá Voi để làm lễ cúng khấn. Trường hợp không thể dùng thuyền, ngư dân sẽ vái vọng, rồi “rải vàng hương” ở cửa biển Lạch Trường. Với ngư dân đứng nơi “đầu sóng ngọn gió”, làm nghề “lọc nước lấy cái”, việc thực hiện các lễ thức diễn ra quanh năm. Cụ thể, khi đánh bắt không thuận lợi, họ làm lễ trên bến bằng cách bày một con gà, một đĩa xôi, một chai rượu, rồi khấn đọc tên cá Voi cùng các vị thủy thần và cầu mong chuyến đánh bắt được bội thu, “đi khơi gặp đông, đi lộng gặp tía”. Hơn nữa, đền thờ cá Voi còn là nơi để họ đến cầu tài, cầu lộc, cầu tự với ước nguyện của ngư dân ven biển xưa kia là muốn

có nhiều con trai để đi đánh bắt (Hoàng Bá Tường, 2017: 250). Việc này thường thực hiện vào các ngày mùng 1 hoặc 15 âm lịch hàng tháng, tùy theo nguyện vọng của người dân.

(2) Nghi lễ cộng đồng: theo trình tự thời gian, các hoạt động nghi lễ phổ biến của cộng đồng trước tháng 07/2025 được thể hiện ở hai cấp độ là thành phố và phường.

Cấp độ nghi lễ thành phố do chính quyền thành phố Sầm Sơn chủ trì, theo đó có hai lễ hội cư dân đóng vai trò đồng tham gia là: lễ Cầu ngư (ngày 3/3 Âm lịch), lễ Cầu đảo tại làng Núi, phường Trường Sơn (ngày 12/5 Âm lịch). Hai lễ hội này mang ý nghĩa cầu cho mưa thuận gió hòa, tôm cá đầy thuyền, quốc thái dân an, đồng thời, là dịp gắn kết cộng đồng, tôn vinh các vị thần biển. Dù không diễn ra tại đền Ngư Ông, nhưng ở phần nghi lễ Cầu ngư, niềm tin về thần cá Voi vẫn hiện diện rõ nét như: (i) Đối với lễ cầu ngư (ngày 3/3 Âm lịch), ở phần lễ, kiệu cá Voi được rước đến đền Độc Cước để nhận lễ bái của người dân, thể hiện tinh thần hòa hợp và cộng thờ giữa nhiều vị thần biển nơi đây, bao gồm cá Voi, ở phần hội, các làng tham gia đua thuyền. Sau khi đến đích, thuyền của các làng có ngư dân (Quảng Tiến, Trường Sơn, Quảng Cư) không về nơi xuất phát ngay mà thực hiện nghi thức quay ba vòng thuyền trên mặt nước trước cửa đền Ngư Ông nhằm tỏ lòng thành kính, tri ân công đức của cá Voi, đồng thời cầu cho sự bình an, thắng lợi trong vụ mùa mới cho ngư dân; (ii) Trong lễ Cầu đảo (12/5 âm lịch), kiệu cá voi cũng rước về đền Độc Cước. Tuy trọng tâm của lễ hội là tôn vinh thần Độc Cước, song yếu tố tín ngưỡng biển và hình tượng cá Voi vẫn hiện diện trong lời khấn cầu mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng.

Ở cấp độ phường, trước năm 2004, tế Ngư Ông là lễ lớn nhất trong năm, được tổ chức 3 ngày, từ 24 đến 26 tháng Giêng, khi bắt đầu một năm đánh bắt mới. Hiện nay, nghi lễ này chuyển vào ngày 19/4 âm lịch, được cho là ngày cá Voi lụy tại bờ biển Sầm Sơn. Đây cũng là thời điểm nơi đây bước vào mùa du lịch biển hàng năm và tổ chức lễ vào thời gian này còn phù hợp với chiến lược phát triển du lịch tâm linh của địa phương. Lễ tế này nhằm tưởng nhớ công đức của Ngư Ông đã cứu giúp và phù trợ ngư dân trên biển và cầu mong được ngài phù hộ, bảo trợ khi đi đánh bắt. Trước lễ hội, chính quyền phường Quảng Cư chỉ đạo Ban quản lý (BQL) di tích và các tổ trưởng dân phố vận động người dân tham gia. Mỗi gia đình góp quỹ để phục vụ việc thực hiện nghi lễ tâm linh của địa phương với mức 150.000 đồng/người.

Lễ hội gồm các nghi thức cáo yết, rước kiệu, tế lễ, đua thuyền. Từ ngày 18, cửa đền được mở để BQL làm lễ mộc dục, cáo yết Ngư Ông về dự lễ hội. Ngày 19, kiệu thánh từ các đền miếu khác trong xã Lương Niệm xưa (các đền Độc Cước, đền Bà Triều, đền Thanh Khê) đều rước về đền Ngư Ông. BQL chuẩn bị các lễ vật, nổi bật là chiếc thuyền Long châu có đặc trưng là đầu và giữa thuyền có hai lá cờ ngũ sắc tựa như cánh buồm với hai chữ “Thuận phong”, “Thông thủy”, nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, thuyền bè ngư dân đi lại trên biển suôn sẻ. Sau khi lễ xong, thuyền Long châu được một đoàn thuyền rước ra tận cửa biển Lạch Trường để thả về biển. Ngoài ra, do ảnh hưởng tục thờ Tứ Vị thánh nương - nữ thần, việc thực hành lễ nơi đây là đội tế nữ quan gồm 8-10 người, bên cạnh 01 thầy cúng và 01 bồi tế. Những người này phải có uy tín trong cộng đồng, gia đình nề nếp, không có tang. Rõ ràng, tín ngưỡng thờ cá Voi ở vùng biển Sầm Sơn không chỉ mang tính nam giới như nhiều nơi khác,

mà được bản địa hóa, dung hợp với yếu tố Mẫu/nữ thần, tạo nên đặc trưng riêng trong nghi thức thờ tự, góp phần tái khẳng định vai trò phụ nữ trong đời sống tinh thần cộng đồng.

Hiện nay, đã xuất hiện thêm hoạt động thi giã bánh giầy ở phần hội. Vật phẩm được chia cho những người tham gia, đại diện các dòng họ, làng xã lân cận làm bánh giầy nhằm tăng tính cố kết cộng đồng. Trước đây có hoạt động hát đối, hát chèo, hò biển, nhưng hiện nay đã mai một, chưa có điều kiện để tái hiện.

2.3. Không gian thờ tự và thiết chế tín ngưỡng

Ngôi đền thờ chính được cấu trúc theo mô thức hai gian, gồm “tiền đường” và “hậu cung”. Tại “hậu cung” ở *cấp thứ nhất*⁵ có ba pho tượng đặt ở vị trí trung tâm, hiện vẫn chưa xác định rõ danh tính, nhưng có thể phỏng đoán việc tồn tại nhiều pho tượng trong một không gian phản ánh cả tính biểu tượng và tính dân gian, thường dựa trên kinh nghiệm tâm linh và niềm tin truyền đời của cộng đồng mà không theo hệ thống thần điện chuẩn hóa. Ở *cấp thứ hai*, ngai thờ và bát hương thờ cá Voi đặt chính giữa, thể hiện vị trí trung tâm của thần chủ đền Ngư Ông - Nam Hải đại vương, dưới cùng của gian thờ đặt tượng Ngũ Hồ, tử kính hai bên đặt cốt cá Voi với các đốt xương có kích thước lớn. Ở *cấp thứ ba*, bên trái đặt ban thờ Tứ Vị Thánh Nương, bên phải là ban thờ Đông Hải Đại vương Nguyễn Phúc⁶. Việc phối thờ hai hệ thần này thể hiện tính “đa tầng và dung hợp trong tín ngưỡng địa phương”. Tứ Vị Thánh Nương là tín ngưỡng phổ biến với 81 nơi thờ ở tỉnh Thanh Hóa, trong đó có 16 nơi thờ tại các làng khu vực ba cửa biển Lạch Sung, Lạch Trường, Lạch Bạng (Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa, 2017: 4, 6). Tín ngưỡng đa tầng này với các lớp tín ngưỡng bắt nguồn từ thờ cá, thần biển mang tính nữ, tín ngưỡng thờ vật thiêng trôi trên biển⁷ và ý thức tôn vinh người mẹ, gắn với khát vọng về bình yên, hạnh phúc (Lê Kim Lữ, Phạm Quỳnh Phương, 2000: 317), còn Đông Hải Đại vương Nguyễn Phúc là “nhân vật lịch sử được thần hóa”, biểu trưng đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và truyền thống tôn vinh người có công với đất nước, mà giai thoại của họ gắn với vùng biển. Sự song hành của hai hệ: nữ thần và nam thần, phản ánh sự cân bằng âm dương, phù hợp với tín ngưỡng của cộng đồng cư dân ven biển.

Ngoài ra, phần “tiền đường” có hai miếu thờ “quan văn” và “quan võ”, tuy nguyên nhân sắp đặt chưa được lý giải rõ, song có thể hiểu đây là dấu vết của tư duy biểu trưng “văn - võ song toàn”. Người dân ven biển, vốn đối diện với nhiều rủi ro và bất trắc, thường mong cầu sự bảo hộ toàn diện: quan văn tượng trưng cho mưu trí, quan võ biểu hiện sức mạnh. Hiện tại, trong khuôn viên đền thờ còn có thêm một lầu thờ cá Voi, lập nên sau khi một ngư dân tìm thấy mảnh xương cá Voi tại vùng biển xã Quảng Cư mang về. Điều này cũng phản ánh sức ảnh hưởng từ yếu tố tâm linh của cả cộng đồng lên cá nhân sống trong cộng đồng đó, đặc biệt là trong hoạt động tín ngưỡng ven biển. Có thể nói, không gian thờ tự của ngôi đền này là một cấu trúc biểu tượng đa

⁵ Cấp thờ được hiểu là cách bài trí đồ thờ theo chiều cao không gian, sắp xếp thành từng tầng từ cao xuống thấp.

⁶ Đông Hải Đại vương Nguyễn Phúc là vị quan triều Lê, được vua Lê cử đi vận chuyển binh lương khi vua đi bình Chiêm Thành, khi đi qua cửa biển Sầm Sơn, vì mưa gió nên đã làm chậm trễ việc quân, bị vua xử trảm. Khi mất ông được phong là “Đông Hải phúc thần” và lệnh cho các cửa biển lập đền thờ (Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa, 2021: 6).

⁷ Lớp tín ngưỡng sớm nhất: Cá = còn, càn (kàn) - yếu tố gốc Nam Đảo, sau Tứ vị được linh thiêng hóa thành tiên nữ, thần biển mang tính nữ. Lớp muộn hơn: Tín ngưỡng thờ cá và thờ nữ thần Biển đã tiếp thu các ảnh hưởng của Trung Hoa, Đại Việt và có thể cả hệ thống thần linh Chăm để nhân hóa và lịch sử hóa hệ thống nhân thần mà triều đình phong kiến ban sắc với nhiều tước hiệu (Lê Kim Lữ, Phạm Quỳnh Phương, 2000: 58; Nguyễn Xuân Hương, 2009: 177).

tầng mang nhiều yếu tố tự nhiên, siêu nhiên, dân gian và lịch sử, “nam thần” và “nữ thần”, tạo nên một thế giới quan tín ngưỡng của cư dân ven biển Sầm Sơn một cách vừa bình dân, vừa có tính tổ chức và tính “thiêng” về thế giới xung quanh, nơi họ gửi gắm niềm tin, lòng biết ơn và hy vọng.

3. Những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp

3.1. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, vấn đề biến đổi nghề nghiệp và mai một nghề truyền thống đã ảnh hưởng đến quá trình bảo tồn, trao truyền tín ngưỡng. Vấn đề chuyển dịch sinh kế tại vùng biển Sầm Sơn đã kéo theo sự mai một dần các nghề cổ truyền như xăm xức, đan lưới..., từng là sinh kế phụ của nhiều hộ ngư dân. Hơn nữa, do nguồn lợi thủy sản tại các ngư trường suy giảm, hoạt động đánh bắt trở nên khó khăn, trong khi giá nhiên liệu, vật tư tăng cao, lực lượng lao động nghề biển lại hạn chế, nhiều ngư dân đã bán tàu để chuyển sang các nghề khác và con em của họ cũng không tham gia đánh bắt hải sản. Một số chủ tàu có kinh nghiệm thì lựa chọn nâng cấp bằng lái tàu để làm việc trên tàu viễn dương hoặc làm thuê cho các tàu có công suất lớn hơn (Trung Lê, 2023). Theo ông Viên Đình H. (76 tuổi, thành viên BQL di tích), 5 năm trở lại đây, lượng khách đến đền Ngư Ông có xu hướng giảm, do chủ thể văn hóa đã giảm cả số lượng lẫn mức độ gắn bó. Nhiều ngư dân cao tuổi từng tham gia nghi lễ và gìn giữ tri thức dân gian hiện nay không còn đủ sức khỏe, còn lớp trẻ thì bận rộn với các công việc mới.

Thứ hai, nguồn lực đảm nhiệm công tác trông nom và thực hành thờ tự tại Đền Ngư Ông hiện còn nhiều hạn chế. Ban lễ quan của đền gồm bốn thành viên (ba nam, một nữ), trong đó người phụ nữ giữ vai trò trông coi chính. Ba nam giới còn lại gồm hai cựu ngư dân đã gần 80 tuổi và một thanh niên là anh Nguyễn Bá D. (25 tuổi) mới được bầu vào Ban lễ quan. Các thành viên nam chỉ tham gia công việc vào các ngày mừng Một, ngày Rằm và trong những kỳ lễ chính của đền. Cơ cấu nhân sự này phản ánh sự dịch chuyển vai trò giới trong không gian thờ tự, đồng thời cho thấy thực trạng thiếu hụt lực lượng kế cận trẻ trong việc duy trì và thực hành tín ngưỡng. Đền hiện không có quỹ phục vụ lễ nghi lớn, mà chỉ đủ tiền “dầu đèn” từ tiền công đức của người dân trong các dịp cúng thường kỳ. Việc duy trì không gian thờ tự vì thế chủ yếu dựa vào sự tự nguyện của một số cá nhân cao tuổi trong cộng đồng - lực lượng đang dần già hóa, đặt ra thách thức về tính kế thừa. Bên cạnh đó, hệ thống đồ thờ và cách bài trí trong đền vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thống nhất và thiếu định hướng từ cơ quan chuyên môn.

Thứ ba, xuất hiện sự nhầm lẫn, thiếu thông tin tri thức về nhân vật được thờ. Hiện nay, trong cộng đồng địa phương vẫn tồn tại tình trạng nhầm lẫn và thiếu tri thức về các nhân vật được thờ tại đền Ngư Ông. Khi được hỏi về hệ thống thần linh thờ phụng, thay vì nhận biết hai ban phối thờ là Tứ Vị Thánh Nương và Đông Hải Đại vương Nguyễn Phục, anh Nguyễn Bá D. lại khẳng định bên trái đền thờ Quan Hoàng Bơ (vị Thánh ông thuộc Thoải phủ, cai quản sông nước) và bên phải là Đệ Nhất Thánh Mẫu (Mẫu Thượng Thiên) - những nhân vật thuộc hệ thống Tứ phủ công đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, Tứ phủ của Việt Nam. Sự nhầm lẫn này có thể xuất phát từ quá trình chuyển giao thế hệ mà thiếu sự truyền dạy, kế thừa tri thức tín ngưỡng đầy đủ. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều thông tin viên chưa nắm rõ ý nghĩa tục thờ và danh thần được phụng thờ trong đền. Việc thiếu hiểu biết về nghi lễ và tri thức dân gian không

chỉ dẫn đến sai lệch trong thực hành, mà còn làm suy giảm tính chuẩn mực, liên tục của nghi lễ thờ cá Voi. Trong bối cảnh nghi lễ này mới được khôi phục, sự sai lệch về nhận thức có thể khiến ranh giới giữa tín ngưỡng gốc và tín ngưỡng pha trộn trở nên mờ nhạt, đặc biệt, khi những người nắm giữ thông tin chưa chuẩn xác lại trở thành người truyền đạt cho cộng đồng.

Thứ tư, sự xuống cấp của di tích ảnh hưởng đến việc tham gia của người dân và quy mô nghi lễ. Sau 35 năm phục dựng, ngôi đền đang có dấu hiệu xuống cấp nặng nề. Theo ông Viên Đình H. (76 tuổi), BQL di tích đã nhiều lần phản ánh việc cấp kinh phí để tôn tạo và đã được chính quyền phê duyệt năm 2021 với số tiền 220 triệu đồng. Song, do dịch Covid-19 và quá trình sáp nhập hành chính các đơn vị, kế hoạch trùng tu bị đình trệ, nguồn kinh phí hiện nay vẫn chưa được giải ngân. Ông cho rằng, chưa tôn tạo đền khiến việc thực hành các nghi lễ bị ảnh hưởng, bởi không gian chật hẹp, kết cấu xuống cấp nên người dân, du khách ngại lui tới. Trong khi, tín ngưỡng thờ cá Voi đã và đang được đặt trong chiến lược phát triển du lịch tâm linh của vùng biển Sầm Sơn, nhưng lại thiếu các điều kiện để phát triển xứng tầm, nhất là hạ tầng, nguồn nhân lực chuyên trách có chuyên môn về bảo tồn di sản, khai thác du lịch.

3.2. Đề xuất giải pháp

Một là, cần tăng cường vai trò của chủ thể văn hóa bằng cách khuyến khích cư dân nơi đây tích cực tham gia bảo tồn, thực hành tín ngưỡng tại đền, như đóng góp công sức, tiền công đức, vật phẩm lễ để duy trì hương khói, vệ sinh, chăm sóc cảnh quan. Đồng thời, nên tăng cường vai trò của thanh niên, phụ nữ trong các đội tế, đội lễ, nhóm hỗ trợ lễ hội, giúp họ gắn bó, tương tác nhiều hơn với hoạt động thờ Ngư Ông. Điều này giúp người dân cảm thấy mình là một phần của quá trình bảo tồn di tích, không chỉ là người “bên ngoài” quan sát.

Hai là, nâng cao hiểu biết và nhận diện về tín ngưỡng thờ cá Voi ở địa phương cho người dân và du khách. Cần lồng ghép các buổi tuyên truyền, tọa đàm tại làng và liên làng nhằm phổ biến nội dung về tín ngưỡng thờ cá Voi, lễ hội Cầu ngư, vận động người dân tham gia đóng góp ý kiến về các hoạt động lễ hội; vận động người cao tuổi truyền dạy cho lớp trẻ các nghi thức cúng lễ, bài văn tế và tri thức dân gian liên quan đến tục thờ cá Voi; xây dựng các bảng tuyên truyền thông tin nhằm giúp người dân và du khách hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử - văn hóa của đền Ngư Ông với nội dung giới thiệu khái quát về quá trình hình thành, nhân vật được thờ, ý nghĩa tín ngưỡng, vai trò của di tích trong đời sống cư dân ven biển. Việc gắn các bảng thông tin song ngữ Việt - Anh vừa góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng vừa tạo thuận lợi cho hoạt động tham quan, nghiên cứu của du khách và học sinh địa phương.

Ba là, nâng cao năng lực của BQL đền theo hướng chuyên nghiệp hóa. Chính quyền địa phương nên phối hợp với ngành văn hóa và các chuyên viên bảo tồn di sản tổ chức tập huấn về quản lý di tích, lễ nghi truyền thống, kỹ năng truyền thông di sản cho các thành viên BQL, từng bước đưa những người trẻ có hiểu biết về văn hóa biển, có năng lực tổ chức và tinh thần cống hiến tham gia quản lý, để vừa học hỏi, vừa kế tục các giá trị tín ngưỡng.

Bốn là, kết hợp bảo tồn và phát huy giá trị đền Ngư Ông thông qua chiến lược phát triển du lịch văn hóa - tâm linh. BQL cần phối hợp với ngành văn hóa và du lịch địa phương trong việc xây dựng biên soạn tài liệu thuyết minh, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ di tích, nâng cấp trùng

tu di tích, tạo không gian tâm linh xứng tầm định hướng phát triển du lịch, đưa đền Ngự Ông thành điểm đến hấp dẫn trong các hoạt động của du khách.

Kết luận

Tục thờ cá Voi là một thực hành văn hóa đặc trưng gắn với hoạt động sinh kế của cư dân vùng biển Sầm Sơn, phản ánh cách con người “thiên hóa” yếu tố biển, đánh dấu một quá trình biến tiến, đồng thời thể hiện thế giới quan của họ khi đứng trước thiên nhiên là sự kính trọng, tôn sùng và thích nghi. Trong bối cảnh phát triển du lịch, chuyển đổi nghề nghiệp, nhiều ngư dân thay đổi sinh kế, đi làm ăn xa thì dường như hình thức tâm linh này dần trở nên ít gắn bó với họ. Song, đối với những ngư dân địa phương và các xã lân cận hiện đang hành nghề, việc thờ cúng cá Voi vẫn được xem là nhu cầu tinh thần thiết yếu, luôn hiện diện và thực hành trong đời sống tín ngưỡng và hoạt động ngư nghiệp. Mặc dù nguồn lực kinh tế, nhân lực kế cận đang là thách thức lớn trong công tác bảo tồn tín ngưỡng thờ cá Voi ở vùng biển Sầm Sơn, song việc nâng cao sự quan tâm của chính quyền và các đoàn thể, tổ chức các lớp trao truyền tri thức dân gian, bảo lưu và mở rộng quy mô thực hành nghi lễ vẫn cần được triển khai một cách đồng bộ và có kế hoạch. Những nỗ lực này không chỉ góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức và lòng tự hào của cư dân về giá trị di sản tinh thần, mà còn giúp cộng đồng tiếp tục gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa biển trong bối cảnh phát triển du lịch văn hóa - tâm linh ven biển Sầm Sơn và tác động của xã hội hiện đại./.

Tài liệu tham khảo

1. Le Thi Ngoc Cam, Song Hwa Seob (2019), “South Sea Whale Tomb in Phuoc Hai Village, Vũng Tàu, Vietnam”, *Korea Humanities Content Society*, DOI: 10.18658/humancon.2019.09.54.3011, No. 54, pp. 301-316.
2. Nguyen Duy Doai (2018), “The Ca Ong (Whale) belief followed by the inhabitants of the Ly Son island District - Quang Ngai”, *Journal of Social Sciences and Humanities*, No. 1 (4), pp. 43-51.
3. Gordienko, E. (2021), “Rural spirits in the city: Vietnamese cult of tutelary spirits in a modern city (According to field work in Vung Tau, Vietnam)”, *Etnograficheskoe Obozrenie/Ethnography Journal*, No. (2 -12), pp.148-160.
4. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Trung Lê (2023), *Chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho ngư dân*, <https://vhds.bao thanh hoa.vn/chuyen-doi-nghe-nbsp-tao-sinh-ke-cho-ngu-dan-28913.htm>, ngày đăng tải 07/10/2023, ngày truy cập 10/8/2025.
6. Nguyễn Thanh Lợi (2022), “Lịch sử tín ngưỡng thờ cá Ông ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10 (226), tr. 3-28.
7. Lê Kim Lữ, Phạm Quỳnh Phương (2000), “Làng biển Kẻ Mom”, trong Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2000): *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Charles Robequain (2012), *Tỉnh Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa.
9. Lantz, S. (2009), *Whale Worship in Viet Nam*, Uppsala: Swedish Science Press.

10. Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Sầm Sơn (2022), *Địa chí thành phố Sầm Sơn*, Nxb. Thanh Hóa.
11. Phạm Thước (2007), “Tổng quan về tình hình nghiên cứu cá Voi ở vùng biển Việt Nam và một vài biện pháp để bảo vệ chúng”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển*, số 3, tr. 44-54.
12. Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa (2003), *Lý lịch di tích lịch sử đền Thanh Khê (phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa)*, Bản đánh máy lưu tại Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa thành phố Thanh Hóa.
13. Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa (2021), *Lý lịch di tích lịch sử đền Ngư Ông, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa*, Bản đánh máy lưu tại Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa thành phố Thanh Hóa.
14. Hoàng Bá Tường (2017), *Lễ hội cầu ngư của cư dân làng biển phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn*, Nxb. Thanh Hóa.
15. Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2025*, số 6549/BC-UBND ngày 13/12/2024.
16. Phạm Thị Hà Xuyên (2023), *Tín ngưỡng hiện nay của ngư dân ở xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*, Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học cấp Cơ sở, Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.

Abstract

WHALE WORSHIP BELIEF IN THE COASTAL AREA OF SAM SON, THANH HOA PROVINCE IN THE CONTEMPORARY CONTEXT

Phạm Thị Hà Xuyên

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

The belief in Whale Worship holds a particularly significant place in the spiritual life of fishing communities in the coastal area of Sam Son, Thanh Hoa Province, across multiple historical periods. This article examines the practices associated with this belief and analyzes the current condition of worship spaces as well as the institutional structures related to them. Drawing on empirical research, the study identifies several prominent challenges, including the shortage of successor generations, limitations in human resources and management funding, and the deterioration of worship facilities. Building on these findings, the article proposes solutions aimed at strengthening community cohesion, enhancing the cultural agency of local residents, and prioritizing the transmission of belief-based values while improving cultural management capacity within the context of contemporary socio-economic development.

Keywords: Belief, Whale Worship, coastal communities, Sam Son, Thanh Hoa.